

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-28



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 14 tháng 09 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khoái	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Nguyễn Thị Thanh Hương

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		365.297.070.312	380.438.491.835
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.108.096.539	73.127.492.350
111	1. Tiền		33.108.096.539	73.127.492.350
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		220.485.502.157	68.478.496.655
131	1. Phải thu của khách hàng		127.127.585.885	22.692.321.890
132	2. Trả trước cho người bán		88.774.118.678	44.853.500.888
135	5. Các khoản phải thu khác	4	7.503.239.094	4.399.614.877
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.919.441.500)	(3.466.941.000)
140	IV. Hàng tồn kho	5	103.837.925.421	218.053.667.810
141	1. Hàng tồn kho		103.837.925.421	218.053.667.810
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.865.546.195	20.778.835.020
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		294.821.820	11.633.334
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.930.572.958	5.316.815.069
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	3.000.000	3.000.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	3.637.151.417	15.447.386.617
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.548.536.894	33.737.128.200
220	II. Tài sản cố định		57.542.266.022	31.870.163.412
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	27.907.699.660	10.093.647.217
222	- Nguyên giá		31.705.943.863	12.493.932.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.798.244.203)	(2.400.284.994)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	29.634.566.362	21.776.516.195
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.006.270.872	1.866.964.788
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	6.006.270.872	1.866.964.788
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		428.845.607.206	414.175.620.035

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		339.366.450.846	346.044.276.277
310	I. Nợ ngắn hạn		338.777.450.846	345.273.276.277
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	183.841.582.385	109.571.606.728
312	2. Phải trả người bán		118.799.629.514	229.011.678.291
313	3. Người mua trả tiền trước		12.213.295.120	4.102.427.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	8.755.812.058	1.874.944.463
316	6. Chi phí phải trả		-	712.557.795
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	15.167.131.769	62.000
330	II. Nợ dài hạn		589.000.000	771.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	589.000.000	771.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		89.479.156.360	68.131.343.758
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	89.479.156.360	68.131.343.758
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.479.156.360	12.131.343.758
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		428.845.607.206	414.175.620.035

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		541.382,28	501.707,89

Vũ Thị Dương
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	1.939.946.255.474	2.391.910.258.181
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	62.484.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.939.946.255.474	2.391.847.774.181
11	4. Giá vốn hàng bán	17	1.861.569.044.498	2.302.832.687.459
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.377.210.976	89.015.086.722
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	5.374.132.915	5.657.533.889
22	7. Chi phí tài chính	19	11.097.505.395	20.297.426.339
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.854.630.430	18.547.879.467
24	8. Chi phí bán hàng	20	40.079.600.706	59.583.702.848
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	6.814.102.901	12.409.594.090
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.760.134.889	2.381.897.334
31	11. Thu nhập khác	22	5.385.928.833	654.386.327
32	12. Chi phí khác	23	2.431.490.955	128.484.515
40	13. Lợi nhuận khác		2.954.437.878	525.901.812
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.714.572.767	2.907.799.146
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	7.366.760.165	870.169.140
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.347.812.602	2.037.630.006
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	3.812	376


Vũ Thị Dương
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.890.055.551.636	2.475.723.587.831
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.017.965.623.716)	(2.420.244.951.736)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.156.375.134)	(3.855.112.585)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(7.427.000.083)	(18.322.236.231)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(801.332.851)	(1.751.081.680)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		117.564.164.442	116.540.823.794
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(65.802.907.080)	(57.216.628.406)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(87.533.522.786)	90.874.400.987
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28.981.796.644)	(17.845.646.202)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.364.022.038	1.964.571.098
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.617.774.606)	(15.881.075.104)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	36.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		854.659.863.240	1.564.126.809.680
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(780.550.582.341)	(1.655.958.323.527)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		74.109.280.899	(55.831.513.847)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(40.042.016.493)	19.161.812.036
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		73.127.492.350	53.958.975.820
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		22.620.682	6.704.494
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	33.108.096.539	73.127.492.350

Vũ Thị Dương

Người lập

Bùi Thị Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 14 tháng 09 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.000.000.000 đồng; tương đương 5.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới hợp đồng hàng hóa;
- Bán buôn: Đồ uống, thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống, kim loại và quặng kim loại, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng và các mặt hàng khác;
- Bán lẻ: Đồ uống, thực phẩm, lương thực, thuốc lá, thuốc Lào, hàng may mặc và đồ gia dụng, nhiên liệu động cơ và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, bán buôn, bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy. Kho bãi lưu giữ hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Sản xuất: đường, tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ, xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm khác;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in, sao chép bản ghi các loại;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, quặng sắt, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn: Phân bón, hóa chất, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, khăn ăn, giấy ăn, quặng Apatit;
- Sản xuất phân bón và khí nitơ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	02 - 03	năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.16 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Hợp đồng ủy thác đầu tư

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12/05/2011 giữa Công ty với Ông Nguyễn Thanh Bình và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương để xây dựng cơ sở kinh doanh chế biến nông lâm thủy sản, kho bãi và trưng bày sản phẩm tại Khu vực Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Thời hạn hợp tác đầu tư là 20 năm với tổng mức đầu tư theo dự toán là 46,6 tỷ đồng, trong đó Công ty góp vốn 39,6 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 85%), Ông Nguyễn Thanh Bình và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương góp vốn bằng toàn bộ trị giá tài sản đầu tư trên diện tích 16.799 m² đất tại địa chỉ hợp tác bao gồm chi phí đền bù, san lấp mặt bằng với tổng giá trị đầu tư là 7 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 15%). Sau khi hoàn thiện việc xây dựng cơ sở vật chất, nhà máy đi vào hoạt động, mọi hạch toán sản xuất kinh doanh do Công ty đảm nhận. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất của cơ sở kinh doanh này sẽ được phân chia cho các bên căn cứ theo tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận kinh doanh sau thuế. Tại thời điểm 31/12/2013, một phần của cơ sở kinh doanh chế biến này đã đi vào hoạt động và phần còn lại đang được đầu tư xây dựng và chưa đi vào hoạt động sản xuất, chi phí đầu tư xây dựng đang được tập hợp và theo dõi trên tài khoản 241 - "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	8.850.925.839	46.766.098.706
Tiền gửi ngân hàng	24.257.170.700	26.361.393.644
	33.108.096.539	73.127.492.350

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu tiền chi hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương	4.364.000.000	4.364.000.000
Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	2.923.376.424	-
Phải thu khác	215.862.670	35.614.877
	7.503.239.094	4.399.614.877

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.451.958.945	-
Công cụ, dụng cụ	6.510.000	5.200.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.560.754.699	-
Thành phẩm	1.615.207.310	-
Hàng hoá	91.203.494.467	218.048.467.810
	103.837.925.421	218.053.667.810

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các loại thuế khác	3.000.000	3.000.000
	3.000.000	3.000.000

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	3.000.000	75.806.388
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	28.003.602
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.634.151.417	15.343.576.627
	3.637.151.417	15.447.386.617

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	1.625.326.359	304.581.864	9.805.409.550	731.928.075	26.686.363	12.493.932.211
Mua sắm	-	109.090.909	2.487.930.908	478.169.091	-	3.075.190.908
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	18.494.806.237	39.133.000	-	275.469.320	-	18.809.408.557
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.436.872.095)	-	-	(2.436.872.095)
Giảm khác(*)	(28.643.900)	(16.400.000)	-	(163.985.455)	(26.686.363)	(235.715.718)
Tại ngày 31/12/2013	20.091.488.696	436.405.773	9.856.468.363	1.321.581.031	-	31.705.943.863
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	27.418.029	20.013.735	2.321.571.151	30.691.169	590.910	2.400.284.994
Trích khấu hao	636.121.718	56.755.398	1.146.446.853	127.041.204	4.447.728	1.970.812.901
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(523.639.709)	-	-	(523.639.709)
Giảm khác(*)	(3.341.786)	(10.113.327)	-	(30.720.232)	(5.038.638)	(49.213.983)
Tại ngày 31/12/2013	660.197.961	66.655.806	2.944.378.295	127.012.141	-	3.798.244.203
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2013	1.597.908.330	284.568.129	7.483.838.399	701.236.906	26.095.453	10.093.647.217
Tại ngày 31/12/2013	19.431.290.735	369.749.967	6.912.090.068	1.194.568.890	-	27.907.699.660

(*) : Khoản điều chỉnh phân loại lại tài sản cố định hữu hình có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	21.776.516.195	5.281.234.121
Tăng trong năm	26.667.458.724	19.315.342.342
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(18.809.408.557)	(2.820.060.268)
Tại ngày cuối năm	29.634.566.362	21.776.516.195
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	29.634.566.362	21.721.048.995
Xây dựng nhà máy sản xuất NPK tại Thủy Nguyên, HP	24.331.582.425	21.721.048.995
Xây dựng kho Ngoại quan tại Cao Bằng	5.302.983.937	-
Mua sắm tài sản cố định	-	55.467.200
Bộ cửa kính tự động	-	55.467.200
	29.634.566.362	21.776.516.195

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	1.866.964.788	-
Tăng trong năm	4.965.094.263	2.120.413.723
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(825.788.179)	(253.448.935)
Tại ngày cuối năm	6.006.270.872	1.866.964.788
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.851.754.394	525.989.373
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.154.516.478	1.340.975.415
	6.006.270.872	1.866.964.788

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	182.990.582.385	108.445.606.728
Vay ngân hàng	182.990.582.385	108.445.606.728
Nợ dài hạn đến hạn trả	851.000.000	1.126.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	851.000.000	1.126.000.000
(Xem thuyết minh 14)		
	183.841.582.385	109.571.606.728

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽¹⁾	19.987.500.000	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức ⁽²⁾	28.000.000.000	73.414.505.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽³⁾	52.706.957.593	-
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng	-	30.772.896.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽⁴⁾	82.296.124.792	-
Ngân hàng TMCP ANZ Việt Nam	-	4.258.205.728
	182.990.582.385	108.445.606.728

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	-	250.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	851.000.000	660.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồng Bàng	-	216.000.000
	851.000.000	1.126.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 312/HDDTD2-VIB009/13 ngày 29/08/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng (*Tám mươi tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 29/08/2014;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được tính bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB cộng biên độ sinh lời, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng những tài sản sau:
 - Bất động sản tại Đội 1 xã Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng theo giấy chứng nhận số BL 184255;
 - Tài sản hình thành từ vốn vay;
 - Quyền đòi nợ của một số khách hàng trong nước.

(2) Hợp đồng tín dụng số 1483LAV2013 ngày 15/10/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi vay được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng những tài sản sau:
 - Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Thanh Hương số BG298225 do UBND Thủy Nguyên cấp ngày 07/03/2012;
 - Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Bùi Ngọc Kiên số BA948976 do UBND Hồng Bàng cấp ngày 01/07/2011;
 - Các hợp đồng tiền gửi mà Công ty là người sở hữu hoặc do bên thứ 3 bảo lãnh.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

(3) Hợp đồng tín dụng số 21860452 ngày 03/04/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng (*Bảy trăm tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Thanh toán cho các chi phí phục vụ các hợp đồng đầu ra/LC xuất và/hoặc đơn hàng/thỏa thuận nguyên tắc đối với DAP Vinachem và những người mua khác;
- + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất do 2 bên thỏa thuận, không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Techcombank tại từng thời kỳ và được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ theo mỗi lần rút vốn vay;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản; bảo lãnh của bên thứ 3 và các biện pháp đảm bảo khác theo thỏa thuận.

(4) Hợp đồng tín dụng số LD1330200200 ngày 21/11/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng chẵn*), hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay, số dư LC, dư bảo lãnh để thực hiện hợp đồng. Hạn mức cho vay tối đa là 200.000.000.000 đồng (*Hai trăm tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu hối phiếu, phục vụ kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay; các quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai; các biện pháp đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Công ty và Ngân hàng.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.444.656.691	825.842.428
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.310.770.486	745.343.172
Thuế Thu nhập cá nhân	384.881	303.758.863
	8.755.812.058	1.874.944.463

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	97.906.994	62.000
Bảo hiểm y tế	5.426.325	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.798.450	-
Phải trả Bà Nguyễn Thị Thu Hương	15.000.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	60.000.000	-
	15.167.131.769	62.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

14 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	589.000.000	771.000.000
Vay ngân hàng	589.000.000	771.000.000
	589.000.000	771.000.000

Chi tiết vay dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hồng Bàng	-	256.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽¹⁾	589.000.000	515.000.000
	589.000.000	771.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Phòng bao gồm các hợp đồng chi tiết sau:****(a) Hợp đồng tín dụng số 338/HDDTD2-VIB009/13 ngày 17/09/2013, với các điều khoản chi tiết sau:**

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 1.009.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm linh chín triệu đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Đầu tư mua 02 xe tải pickup cabin kép 05 chỗ hiệu Ford Ranger theo hợp đồng mua bán ô tô số 191/0813/HĐKT/HPF ngày 22/08/2013;
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được tính bằng chi phí giá vốn của VIB tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất cộng biên độ, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Pháp luật;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 925.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 336.000.000 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng số 0309/HĐTD2-VIB31/11 ngày 10/08/2011 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe ô tô con phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty;
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- + Lãi suất cho vay: theo quy định của Ngân hàng từng kỳ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô con nhãn hiệu Porsche theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 0309/HĐTC-VIB31/11 ngày 10/08/2011;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 515.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 515.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	851.000.000	1.126.000.000
Trong năm thứ hai	336.000.000	771.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	253.000.000	
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(851.000.000)	(1.126.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	589.000.000	771.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2012			
Tại ngày 01/01/2012	20.000.000.000	10.093.713.752	30.093.713.752
Tăng vốn	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Lãi/lỗ trong năm	-	2.037.630.006	2.037.630.006
Tại ngày 31/12/2012	56.000.000.000	12.131.343.758	68.131.343.758
Năm 2013			
Tại ngày 01/01/2013	56.000.000.000	12.131.343.758	68.131.343.758
Lãi/lỗ trong năm	-	21.347.812.602	21.347.812.602
Tại ngày 31/12/2013	56.000.000.000	33.479.156.360	89.479.156.360

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	48,00%	26.880.000.000	48,00%	26.880.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	45,00%	25.200.000.000	45,00%	25.200.000.000
Ông Nguyễn Văn Khoái	7,00%	3.920.000.000	7,00%	3.920.000.000
	100%	56.000.000.000	100%	56.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56.000.000.000	56.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	56.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	36.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	56.000.000.000	56.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.969.853.679	-
Doanh thu bán hàng hóa	1.931.524.620.821	2.391.910.258.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.451.780.974	-
	1.939.946.255.474	2.391.910.258.181

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.643.065.808	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.856.918.732.054	2.304.201.301.985
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	7.246.636	2.651.585.474
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.020.200.000)
	1.861.569.044.498	2.302.832.687.459

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.364.022.038	1.964.571.098
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	488.121.985	-
Lãi bán ngoại tệ	2.437.454.195	1.717.228.629
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	922.253.117	1.830.264.204
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	162.242.180	145.469.958
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.400	-
	5.374.132.915	5.657.533.889

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.854.630.430	18.547.879.467
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	419.322.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.182.381.369	1.271.575.296
Chi phí tài chính khác	60.493.596	58.649.576
	11.097.505.395	20.297.426.339

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	26.545.502	127.432.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	183.446.070	21.670.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.689.412.082	59.112.821.056
Chi phí khác bằng tiền	180.197.052	321.778.663
	40.079.600.706	59.583.702.848

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	266.471.448	141.216.354
Chi phí nhân công	3.169.933.510	4.072.955.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.211.995.327	1.609.839.422
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	23.120.000
Hoàn nhập dự phòng	(547.499.500)	(646.966.429)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	736.858.526	3.465.857.013
Chi phí khác bằng tiền	1.973.343.590	3.743.571.945
	6.814.102.901	12.409.594.090

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	909.090.908	-
Bồi thường do thiếu hàng hóa	739.573.445	496.844.122
Thưởng doanh số mua hàng	3.275.005.000	-
Tiền thưởng tàu	325.193.188	-
Thu nhập khác	137.066.292	157.542.205
	5.385.928.833	654.386.327

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.913.232.386	-
Chi phí phạt vi phạm	468.238.002	97.026.586
Chi phí truy hoàn thuế GTGT	-	6.689.299
Chi phí khác	50.020.567	24.768.630
	2.431.490.955	128.484.515

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.714.572.767	2.907.799.146
Các khoản điều chỉnh tăng	752.467.894	572.877.412
- Chi phí không hợp lệ	752.467.894	126.132.076
- Các khoản điều chỉnh khác	-	446.745.336
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	29.467.040.661	3.480.676.558
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	7.366.760.165	870.169.140
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.366.760.165	870.169.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	745.343.172	1.626.255.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(801.332.851)	(1.751.081.680)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	7.310.770.486	745.343.172

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	21.347.812.602	2.037.630.006
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.347.812.602	2.037.630.006
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.600.000	5.412.603
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.812	376

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.499.416.624	268.648.537
Chi phí nhân công	3.522.010.434	4.072.955.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.395.441.397	1.631.510.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.585.133.382	62.578.678.069
Chi phí khác bằng tiền	2.258.229.087	4.088.470.608
	56.260.230.924	72.640.263.367

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.108.096.539	-	73.127.492.350	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	134.630.824.979	(2.919.441.500)	27.091.936.767	(3.466.941.000)
	167.738.921.518	(2.919.441.500)	100.219.429.117	(3.466.941.000)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	184.430.582.385	110.342.606.728
Phải trả người bán, phải trả khác	133.966.761.283	229.011.740.291
Chi phí phải trả	-	712.557.795
	318.397.343.668	340.066.904.814

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.108.096.539	-	-	33.108.096.539
Phải thu khách hàng, phải thu khác	131.711.383.479	-	-	131.711.383.479
	<u>164.819.480.018</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>164.819.480.018</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.127.492.350	-	-	73.127.492.350
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.624.995.767	-	-	23.624.995.767
	<u>96.752.488.117</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>96.752.488.117</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	183.841.582.385	589.000.000	-	184.430.582.385
Phải trả người bán, phải trả khác	133.966.761.283	-	-	133.966.761.283
	<u>317.808.343.668</u>	<u>589.000.000</u>	<u>-</u>	<u>318.397.343.668</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	109.571.606.728	771.000.000	-	110.342.606.728
Phải trả người bán, phải trả khác	229.011.740.291	-	-	229.011.740.291
Chi phí phải trả	712.557.795	-	-	712.557.795
	<u>339.295.904.814</u>	<u>771.000.000</u>	<u>-</u>	<u>340.066.904.814</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác			
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc Công ty	4.364.000.000	4.364.000.000
Phải trả khác			
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc Công ty	15.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	364.923.077	270.461.538

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Dương
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

